TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN DƯƠNG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **387**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 13/11/2019
Về việc không công nhận vợ chồng giữa chị Lưu Thị H với anh Ma Văn P

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Ma Thị Tuyết Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Cao Lâm.

2. Bà Dương Thị Sơn.

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Hồng Ngọc - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên toà*:** Ông Trần Hà Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 13/11/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 367/2019/TLST - HNGĐ, ngày 01/10/2019 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2019/QĐXXST - HNGĐ, ngày 01/11/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lưu Thị H, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn T, xã K, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Ma Văn P, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn C, xã M, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, chị Lưu Thị H trình bày:

Chị và anh Ma Văn P về chung sống với nhau vào tháng 6 năm 2011 trên cơ sở được tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới vợ chồng chị về sinh sống và làm ăn cùng bố mẹ anh P tại thôn C, xã M, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Đến năm 2016 thì anh chị ra ở riêng, cuộc sống chung hạnh phúc. Tuy nhiên đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, xích mích. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi chửi nhau nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn T, xã K, huyện S, tỉnh Tuyên Quang ở. Từ đó anh chị cũng ly thân, không còn quan tâm chăm sóc gì đến nhau. Do anh chị không đăng ký kết hôn nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị và anh P có 02 con chung là cháu Ma Thị D, sinh ngày 10/02/2012 và cháu Ma Kiều C1, sinh ngày 20/4/2013, hiện nay cháu D đang ở với bố, còn cháu C1 đang ở với mẹ. Khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu C1 và cháu D do anh P trực tiếp nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị không đề nghị Toà án giải quyết.

- Bị đơn là anh Ma Văn P trình bày:

Anh thừa nhận về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh chung sống như chị Lưu Thị H trình bày là đúng. Năm 2017, cuộc sống chung giữa anh và chị H thường xuyên mâu thuẫn dẫn đến hai người sống ly thân. Nay, chị H đề nghị Tòa không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh và chị H, anh nhất trí.

Về con chung: Anh xác định có 02 con chung như chị H trình bày là đúng. Anh cũng nhất trí việc giao cháu Ma Kiều C1 cho chị H trực tiếp nuôi dạy, còn cháu Ma Thị D do anh trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Anh xác định không đề nghị Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, các Điều 15, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Không công nhận chị Lưu Thị H và anh Ma Văn P là vợ chồng; giao cháu Ma Kiều C1, sinh ngày 20/4/2013 cho chị Lưu Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Ma Thị D, sinh ngày 10/02/2012 cho anh Ma Văn P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; các bên không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm con chung không ai được cản trở; chị Lưu Thị H phải chịu án phí theo quy định; các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lưu Thị H và anh Ma Văn P về chung sống với nhau từ năm 2011 trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện chung sống, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn. Qua xác minh tại địa phương thì từ năm 2011 đến nay, không có trường hợp nào có tên chồng là Ma Văn P và vợ là Lưu Thị H đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện S và UBND xã M, huyện S.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định: "Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng". Chị Lưu Thị H và anh Ma Văn P chung sống với nhau từ năm 2011 đến nay không có đăng ký kết hôn mặc dù có đủ điều kiện kết hôn, xong các bên không thực hiện nghĩa vụ kết hôn mà vẫn chung sống cùng nhau là hôn nhân bất hợp pháp, không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do vậy, HĐXX cần xử không công nhận chị Lưu Thị H và anh Ma Văn P là vợ chồng.

[2] Về con chung: Chị Lưu Thị H và anh Ma Văn P có Ma Thị D, sinh ngày 10/02/2012 và cháu Ma Kiều C1, sinh ngày 20/4/2013. Tại Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "Quyền, nghĩa vụ giữa nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng và con được giải quyết theo quy định của

Luật này về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con". Từ khi anh chị ly thân, cháu D sống cùng bố, còn cháu C1 sống cùng mẹ. Các đương sự đều có quan điểm là chị H trực tiếp nuôi dạy cháu C1, anh P trực tiếp nuôi dạy cháu D, các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy quan điểm của các đương sự là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình, do vậy cần giao cháu Ma Kiều C1, sinh ngày 20/4/2013 cho chị Lưu Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Ma Thị D, sinh ngày 10/02/2012 cho anh Ma Văn P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; các bên không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm con chung.

[3] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Các đương sự không đề nghị Toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Lưu Thị H phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, các Điều 15, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Lưu Thị H và anh Ma Văn P là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Ma Kiều C1, sinh ngày 20/4/2013 cho chị Lưu Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Ma Thị D, sinh ngày 10/02/2012 cho anh Ma Văn P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai đươc cản trở.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lưu Thị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0002861 ngày 30/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương. Anh Ma Văn P không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- T.H.A dân sự huyện Sơn Dương;
- UBND xã K;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Ma Thị Tuyết Mai